

Số: 16/2020/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X (gọi tắt: P)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 16,23,24 Tòa nhà Mipec, số 229 T3, phường N, quận Đ, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trần Huy H (*Theo Giấy uỷ quyền số 87/2020/UQ-GĐCNTL ngày 18/3/2020*).

***Bị đơn :** + Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1988

+ Chị Trịnh Thị T1 – sinh năm 1990

Đều có HKTT: Thôn T2, xã V, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1953

+ Cháu Nguyễn Gia B1 – sinh ngày 15/6/2016

Đều có HKTT: Thôn T2, xã V, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội
(Anh T, chị T1 là người đại diện cho cháu Bảo)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị T1 xác nhận ngày 22/9/2016 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 901.123/2016/HĐTD-CN/PTL với P để vay: 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Anh T, chị T1 đã được P giải

ngân 180.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số: 901.123/2016/LUNN-CN/P Thăng Long ngày 23/9/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và Khế ước trên, anh T, chị T1 đã trả được 12.000.000 đồng tiền nợ gốc cho P. Nay anh T, chị T1 xác nhận hiện còn nợ P số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2020 cụ thể là: **253.316.342 đồng** (*Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm mười sáu nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc 168.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.825.040 đồng, nợ lãi quá hạn 23.491.302 đồng.

2.2. Các bên thống nhất thỏa thuận về thời hạn và phương thức thanh toán cụ thể:

P và anh Nguyễn Văn T, chị Trịnh Thị T1 thỏa thuận thống nhất: anh T, chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho P làm 03 kỳ, các kỳ thanh toán cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Đến ngày 30/7/2020, anh T, chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 20.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 2: Đến ngày 30/8/2020, anh T, chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho P 20.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 3: Đến ngày 30/9/2020, anh T, chị T1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 213.316.342 đồng và tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28/5/2020 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 901.123/2016/HĐTD-CN/P TL ngày 22/9/2016 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của P) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Toàn bộ số tiền anh T, chị T1 thanh toán, P thu vào nợ gốc trước.

Trường hợp anh T, chị T1 thanh toán toàn bộ khoản nợ cho P và có đơn xin miễn, giảm tiền lãi, P sẽ xem xét miễn, giảm tiền lãi và có nghĩa vụ phải giải chấp tài sản thế chấp cho anh T, chị T1.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho P, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 908, tờ bản đồ số 11 diện tích 103,3m² thôn Thái B, xã V, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 537877, số vào sổ cấp GCN: CS-UH 00501 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2016 mang tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 001822/2016/HĐTC. Quyền số: 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2016 tại Văn phòng công chứng Hùng Vương, TP Hà Nội.

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả P cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại

tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của P với anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị T1 về án phí dân sự sơ thẩm. Anh T, chị T1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự 6.332.908 đồng; được giảm theo đơn hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trịnh Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP X số tiền 5.707.000 đồng (Năm triệu bảy trăm linh bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009505 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Minh